

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20-8-2025

V/v: Không công nhận quan hệ vợ
chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Thê.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Chữ

Bà Vũ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Chung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Quang Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 147/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thị L, sinh năm 1970; CCCD số 024170010906

Nơi cư trú: Thôn C, xã K, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Ông Vũ Mạnh T, sinh năm 1966; CCCD số 025066013230

Nơi cư trú: Thôn C, xã K, tỉnh Bắc Ninh.

(Bà L, ông T đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2025, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lý Thị L trình bày:

Bà và ông Vũ Mạnh T kết hôn với nhau vào ngày 26/4/1990, trước khi kết hôn hai bên có được tự nguyện tìm hiểu, được gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại thôn C, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Nay là tỉnh Bắc Ninh). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, từ đầu năm từ năm 2010 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu

thuần do không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế và cuộc sống hàng ngày. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Vũ Mạnh T là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông Vũ Mạnh T có 03 con chung là Lý Thị T1, sinh năm 1990; Lý Thị O, sinh năm 1993 và Lý Văn H, sinh năm 1996. Hiện cả 03 con chung đã đều đủ tuổi trưởng thành, khỏe mạnh, phát triển bình thường nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Bà và ông Tấn T2 thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/7/2025 bị đơn ông Vũ Mạnh T trình bày:

Ông và bà Lý Thị L kết hôn với nhau vào ngày 26/4/1990, trước khi kết hôn hai bên có được tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại thôn C, xã K, huyện L, tỉnh Giang (Nay là tỉnh Bắc Ninh). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, từ năm 2010 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế và cuộc sống hàng ngày. Nay thấy vợ chồng tình cảm đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà L đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà L, ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà Lý Thị L có 03 con chung là Lý Thị T1, sinh năm 1990; Lý Thị O, sinh năm 1993 và Lý Văn H, sinh năm 1996. Hiện cả 03 con chung đã đều đủ tuổi trưởng thành, khỏe mạnh, phát triển bình thường nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Ông và bà L tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh của UBND xã K, tỉnh Bắc Ninh về quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Thị L với ông Vũ Mạnh T đã cung cấp:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị L và ông Vũ Mạnh T chung sống với nhau từ năm 1990 tại thôn C, xã K, tỉnh Bắc Ninh, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Qua nắm bắt tình hình thì vợ chồng bà L, ông T có mâu thuẫn. Nguyên nhân cụ thể ra sao thì địa phương không rõ.

Về con chung: Bà Lý Thị L và ông Vũ Mạnh T có 03 con chung là Lý Thị T1, sinh năm 1990; Lý Thị O, sinh năm 1993 và Lý Văn H, sinh năm 1996; hiện cả 03 con chung đã đều đủ tuổi trưởng thành, khỏe mạnh bình thường.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lý Thị L và bị đơn ông Vũ Mạnh T đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố lời khai của bà L, ông T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự: Thẩm phán

đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị L: Không công nhận bà Lý Thị L và ông Vũ Mạnh T là vợ chồng.
2. Về án phí: Bà Lý Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng là tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Bắc Ninh theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003625 ngày 25 tháng 7 năm 2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lý Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Vũ Mạnh T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã K, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị L và ông Vũ Mạnh T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, bị đơn và qua xác minh tại địa phương thì bà L, ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 và có 03 người con chung nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND có thẩm quyền. Do đó có đủ căn cứ để xác định bà L và ông T không đăng ký kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Thị L và ông Vũ Mạnh T không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Trong quá trình chung sống, bà Lý Thị L và ông Vũ Mạnh T có phát sinh mâu thuẫn, bà Lý Thị L đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Vũ Mạnh T. Bị đơn ông Vũ Mạnh T cũng xác định ông và bà L có mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong phát triển kinh tế và cuộc sống hàng ngày. Bà L đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông là vợ chồng, ông đồng ý. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần không công nhận bà Lý Thị L và ông Vũ Mạnh T là vợ chồng.

3.2 Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Bà Lý Thị L và ông Vũ Mạnh T cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Lý Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị L: Không công nhận bà Lý Thị L và ông Vũ Mạnh T là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Lý Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng là tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Bắc Ninh theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003625 ngày 25 tháng 7 năm 2025.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 - Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh.
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Thế

